TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BT** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/ DS-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Dương Thị Thanh Thúy;

2/ Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/ TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Quang Tr**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 460/1 ấp 1, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Trưởng:*

Ông Trương Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ An C, xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: **Cao thị Bích Th**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Lê Văn Tr1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 180/A2, khu phố 4, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980

Địa chỉ: 577F, khu phố 2, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 08/4/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2018 của nguyên đơn ông Lê Quang Tr, bản tự khai ngày 28/12/2018 và những lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đinh Văn Nh, ông Trương Văn T trình bày như sau*:

Vào ngày 09/6/2018 âm lịch ông Tr và bà Trần Thị Thanh H có cho vợ chồng bà Th, ông Tr1 vay số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), trong đó của ông Tr là 60.000.000đ của bà H là 60.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất 3%/tháng, khi vay có làm giấy biên nhận nợ do bà Th ký tên nhận tiền. Đến ngày trả vốn lãi, bà Th, ông Tr1 không trả cho ông số tiền 60.000.000đ nên ông yêu cầu vợ chồng bà Th, ông Tr1 vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

** Bà Th, ông Tr1 không đến Tòa án và cũng không có văn bản đối với yêu cầu của ông Trưởng.*

** Theo bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 08/4/2019 bà Trần Thị Thanh H trình bày như sau*:

Vào ngày 09/6/2018 bà và ông Tr cùng cho bà Th, ông Tr1 vay số tiền 120.000.000đ, trong đó của bà là 60.000.000đ, của ông Tr là 60.000.000đ, số tiền vay này ghi chung 1 biên nhận mượn tiền ngày 09/6/2018 âm lịch, bà đã khởi kiện bà Th, ông Tr1 bằng 1 vụ án khác nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà, bà cam kết không khiếu nại về sau.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát ý kiến giải quyết như sau:*

- Về mặt hình thức: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quang Tr, buộc bà Th, ông Tr1 trả cho ông Tr1 số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Cao Thị Bích Th, ông Lê Văn Tr1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông Tr1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy ông Tr yêu cầu bà Th, ông Tr1 trả số tiền vay còn nợ nên có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Th, ông Tr1 có đăng ký hộ khẩu tại số nhà 180/A2 khu phố 4, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nhưng theo xác nhận của Công an phường 8, thành phố BT xác định bà Th, ông Tr1 không còn sinh sống tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù hiện nay bà Th, ông Tr1 không còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng tại thời điểm vay tiền của ông Tr thì bà Th còn sinh sống tại địa chỉ này và khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới bà Th không thông báo cho ông Tr biết nên xác định bà Th cố tình giấu địa chỉ của vợ chồng bà. Căn cứ vào giấy biên nhận mượn tiền bà Th có ghi địa chỉ của bà tại số nhà 180/A2, khu phố 4, phường 8, thành phố BT nên Hội đồng xét xử xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Tr khởi kiện yêu cầu bà Th, ông Tr1 liên đới trả tiền vốn vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Tr cung cấp cho Tòa án một biên nhận mượn tiền ngày 09/6/2018 âm lịch, có ghi rõ họ tên địa chỉ của bà Th, người cho vay tiền là bà Trần Thị Thanh H và ông Lê Quang Tr và bà Th ghi rõ đã nhận đủ số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Tại đơn khởi kiện của ông Tr và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông Tr cũng xác định trong số tiền 120.000.000đ mà bà Th đã nhận thì chỉ có 60.000.000đ là tiền của ông Tr cho bà Th vay, số tiền 60.000.000đ còn lại là của bà Trần Thị Thanh H, lời khai này phù hợp với lời khai của bà H vào ngày 08/4/2019 nên có cơ sở xác định ông Tr có cho bà Th vay số tiền 60.000.000đ.

Ông Tr yêu cầu ông Tr1, bà Th cùng liên đới trả số tiền vay là 60.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù giấy biên nhận nợ chỉ do 1 mình bà Th ký tên nhưng theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/5/1993 do Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Bến Tre cung cấp ngày 16/4/2019 thì bà Th, ông Tr1 là vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án bà Th, ông Tr1 đã nhận được giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và biết rõ yêu cầu khởi kiện của ông Tr nhưng bà Th, ông Tr1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Tr, điều này cho thấy bà Th, ông Tr1 thừa nhận việc khởi kiện của ông Tr là đúng.

Qua hợp đồng vay này thấy rằng bà Th, ông Tr1 đã sử dụng hết quyền nhận tài sản là nhận tiền của ông Tr nhưng không thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó cần buộc bà Th, ông Tr1 liên đới trả cho ông Tr số tiền vay còn nợ là 60.000.000đ.

- *Về lãi suất*: Ghi nhận ông Tr không yêu cầu bà Th, ông Tr1 trả lãi suất của số tiền vay 60.000.000đ nên không xét đến.

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên: Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được xem xét, chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Tr được Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Th, ông Tr1 là người phải trả nợ cho ông Tr nên bà Th, ông Tr1 phải liên đới chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang Tr đối với bà Cao Thị Bích Th và ông Lê Văn Tr1.

2/ Buộc bà Cao Thị Bích Th và ông Lê Văn Tr1 phải liên đới trả cho ông Lê Quang Tr số tiền vay còn nợ là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Ghi nhận ông Tr không yêu cầu bà Th, ông Tr1 trả lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Th, ông Tr1 phải liên đới nộp án phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Hòan lại cho ông Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019566 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4/ Ông Tr được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Th, ông Tr1, bà H được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố BT;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu

Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm Phán – Chủ toạ phiên toà**

Trịnh Ngọc Hồng **Dương Thị Thanh Thúy** **Nguyễn Thị Diễm Châu**

Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm Phán – Chủ toạ phiên toà**

Phan Công Chiến **Dương Thị Thanh Thủy** **Nguyễn Thị Diễm Châu**